



CK.0000064138

HANH - TRƯỜNG THỊ HÒA

LƯỢC SỬ

LẬP HIẾN  
VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC KHI XUẤT BẢN  
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

**Phan Đăng Thanh.**

Lược sử lập hiến Việt Nam / Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hòa. -  
T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2013.

328 tr. ; 24 cm.

ISBN 978-604-58-0622-7

1. Lịch sử hiến pháp -- Việt Nam. I. Trương Thị Hòa.

**342.597029 -- dc 22**

**P535-T37**

PHAN ĐĂNG THANH - TRƯƠNG THỊ HÒA

LƯỢC SỬ  
**LẬP HIẾN**  
**VIỆT NAM**



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

**T**rong lịch sử mỗi dân tộc, lịch sử lập hiến là bộ phận đặc biệt quan trọng. Công cuộc lập hiến ở Việt Nam bắt đầu từ đầu thế kỷ XX, với sự vận động của các phong trào yêu nước đấu tranh giành độc lập, đòi dân quyền, mong sớm có một chế độ chính trị và bộ máy cầm quyền tận tụy phục vụ nhân dân. Tất cả các việc đó đều không ngoài yêu sách chung là đòi hỏi chính quyền thực dân, phong kiến xây dựng bản hiến pháp cho nước Việt Nam ta.

Đến khi Cách mạng Tháng Tám thành công, đất nước độc lập, chính quyền về tay nhân dân, bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời vào ngày 9-11-1946. Đó là một bản hiến pháp tiến bộ ở Đông Nam Á lúc bấy giờ. Nước Việt Nam đã chuyển mình từ ba xứ thuộc địa bảo hộ, quân chủ phong kiến, trở thành một quốc gia độc lập dưới chính thể cộng hòa.

Nhưng sau đó, thực dân, đế quốc trở lại xâm lược Việt Nam lần nữa, nước ta tạm thời bị chia làm hai miền, lại phải tiếp tục chiến tranh. Miền Nam dưới chế độ thực dân mới, xây dựng nhà nước riêng - Việt Nam Cộng hòa với hai bản Hiến pháp năm 1956 và năm 1967. Đến năm 1975, chế độ Sài Gòn sụp đổ hoàn toàn, hiến pháp của chế độ cũ đã bị bãi bỏ.

Từ ngày giành được độc lập đến nay, nhà nước cách mạng Việt Nam - Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, đã lần lượt xây dựng 4 bản hiến pháp (năm 1946, 1959, 1980 và 1992). Các hiến pháp ấy kế thừa nhau và phát triển liên tục trong từng giai đoạn lịch sử của cách mạng, đưa đất nước tiến theo con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Năm nay, nhân dịp nhà nước chuẩn bị sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, nhân dân cả nước quan tâm đặc biệt đến vấn đề lập hiến và cùng góp phần vào việc hoàn thiện hiến pháp hiện hành, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức biên soạn và xuất bản quyển sách *Lược sử lập hiến Việt Nam* của hai đồng tác giả Phan Đăng Thanh và Trương Thị Hòa. Quyển sách này thể hiện tương đối đầy đủ quá trình lập hiến phong phú, đa dạng của nước ta.

Nội dung sách gồm có ba phần:

- Tư tưởng lập hiến Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám 1945.
- Lập hiến dưới chế độ chính quyền Sài Gòn.
- Lập hiến cách mạng ở Việt Nam.

Đây là vấn đề lớn, còn mới mẻ và phức tạp, nên dù Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và các tác giả đã hết sức cố gắng, cần trọng, song chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót ngoài ý muốn và sự hiểu biết của những người tham gia biên soạn. Kính mong được sự phê bình xây dựng của các giới bạn đọc để lần tái bản được tốt hơn.

Trân trọng giới thiệu quyển sách cùng bạn đọc.

*Tháng 7 năm 2013*

**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**N**ằm trên bán đảo Đông Dương, thuộc khu vực Đông Nam châu Á, Việt Nam có diện tích đất liền 331.700 km<sup>2</sup>. Lãnh thổ lục địa cực bắc nằm ngang với vĩ tuyến 20°22' Bắc và phần lục địa cực nam nằm ngang với vĩ tuyến 8°30' Bắc.

Lãnh thổ Việt Nam gồm hai phần: đất liền và hải đảo. Phần đất liền, biên giới phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây giáp Lào và Campuchia, phía đông và nam giáp biển Đông. Việt Nam có khoảng 3.000 km bờ biển. Những đảo và quần đảo gần bờ nằm rải rác từ vịnh Hạ Long đến vịnh Thái Lan như Bái Tử Long, Cô Tô, Côn Lôn, Phú Quốc, Thổ Chu... và các quần đảo lớn xa bờ như quần đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng và Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa. Phần hải phận thuộc chủ quyền và vùng đặc quyền kinh tế, thêm lục địa của Việt Nam rộng gấp nhiều lần so với phần lục địa được xác định qua thực tế lịch sử và theo quy định của Luật Biển Việt Nam và Luật Biển quốc tế.

Riêng phần lãnh thổ biển, hải phận của Việt Nam tiếp giáp với hải phận của Trung Quốc, Philippin, Indonesia, Brunây, Malaysia, Thái Lan và Campuchia.

Nằm ở vị trí trên ngã tư đường giao thông quốc tế về hàng không cũng như hàng hải, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu, tiếp cận với các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Về phương diện địa chính trị, từ lâu đời, Việt Nam thường xuyên phải chịu áp lực nặng nề từ phương bắc xuống về nhiều phương diện.

Theo thống kê năm 2009, dân số Việt Nam có khoảng 85.789.573 người, đứng hàng thứ ba ở Đông Nam Á, sau Indonesia và Philippin và đứng thứ 13 trên thế giới. Dân Việt Nam gồm 54 tộc người anh em, người Kinh chiếm đa số (84%); ngoài ra còn có dân tộc Mường, Thái, Tày, Thổ, Nùng, Khơ-me, Chăm, Bana, Rhađê, Cơ Ho, Xtiêng, Hoa... Những tôn giáo chính là: đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành, đạo Hồi, và những tôn giáo mới ở miền Nam như đạo Cao Đài, Hòa Hào, Tứ Ân Hiếu Nghĩa... Thờ cúng tổ tiên là phong tục truyền thống của cư dân người Việt. Các tôn giáo tín ngưỡng có ảnh hưởng sâu sắc đến sinh hoạt chính trị ở Việt Nam.



## Mục 1

# TƯ TƯỞNG LẬP HIẾN VIỆT NAM TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945<sup>(1)</sup>

### I. TRƯỚC THẾ KỶ XX, Ở VIỆT NAM CHƯA CÓ TƯ TƯỞNG LẬP HIẾN

Dân tộc Việt thành lập nước từ thời đại Hùng Vương, ở đồng bằng Bắc Bộ, trước công nguyên (TCN). Tên nước là Văn Lang, sau đó đổi là Âu Lạc. Đến gần cuối thế kỷ II TCN - năm 179 TCN, nước Âu Lạc của vua Thục Phán bị mất vào tay giặc phương Bắc là Triệu Đà, nước Nam Việt.

Sau hơn một ngàn năm bị phương Bắc đô hộ, đồng hóa, đến cuối năm 938 thì người Việt giành lại độc lập<sup>(2)</sup>.

Sau khi Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán ở Bạch Đằng giang, Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước, nước Đại Cồ Việt ra đời (năm 1068), có chữ viết (chữ Hán), nhà nước có tổ chức triều nghi, phẩm phục (giống phương Bắc) và có pháp luật thành văn nhưng chưa nhiều. Nền pháp luật thành văn ấy từng bước được hoàn thiện. Đến năm 1042, dưới triều Lý (1009 - 1226), nước Đại Cồ Việt đã có bộ luật đầu tiên (bộ Hình Thư) cùng một hệ thống nhiều văn bản pháp

---

1 Có thể tham khảo đầy đủ hơn ở sách *Tư tưởng lập hiến Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*, cùng tác giả, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

2 Về sau, giặc Minh phương Bắc còn tiến công xâm lược, đặt ách đô hộ Đại Việt suốt hơn 10 năm (1407 - 1418).



luật thành văn dưới hình thức chiếu, lệnh của nhà vua. Qua các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc, Tây Sơn, Nguyễn, nền pháp luật của nước Đại Việt - Việt Nam ngày càng hoàn bị hơn, được vận dụng sáng tạo từ cách tổ chức hoạt động của các triều đình phong kiến và nền pháp luật của phương Bắc, gồm nhiều hình thức văn bản pháp luật, viết bằng chữ Hán, nổi tiếng như Bộ luật Hồng Đức (*Quốc triều Hình luật*, thế kỷ XV, nhà Lê) và Bộ luật Gia Long (*Hoàng Việt luật lệ*, thế kỷ XIX, nhà Nguyễn). Đó là những bộ luật hình sự hoàn chỉnh, có phạm vi điều chỉnh liên quan đến nhiều lĩnh vực, dùng để trị tội, chứ chưa phải là hiến pháp<sup>(1)</sup>.

Năm 1858, thực dân phương Tây (Pháp) tấn công xâm lược Việt Nam và từng bước chiếm toàn bộ nước Việt Nam (từ 1858 đến 1884). Chính quyền thực dân Pháp đặt ra ở Việt Nam một nền pháp luật mới, viết bằng chữ Pháp, dịch ra chữ quốc ngữ Việt Nam (theo mẫu tự Latinh), cũng chưa có hiến pháp.

Phong trào kháng chiến chống Pháp buổi đầu của các nhóm Văn thân Cần vương chiến đấu cứu nước cũng là để bảo vệ, duy trì chế độ phong kiến cổ truyền Việt Nam, như vào năm 1874, tại Nghệ An, Hà Tĩnh, Trần Tấn và Đặng Như Mai đã nổi dậy truyền hịch “Bình Tây sát Tà” đại ý nói: “Ta phải đánh Tây cho hết, để giữ lấy nền văn minh Nho giáo đã hơn một ngàn năm”<sup>(2)</sup>. Dưới nền “văn minh Nho giáo” ấy, về mặt chính trị - xã hội, thần dân chưa có các quyền theo đúng nghĩa; nhà nước tổ chức theo mô hình quân chủ trung ương tập quyền, đứng đầu là vua, ngôi vua cha truyền con nối, quyền chuyên chế của vua tuyệt đối, vô giới hạn...

Trong khi triều đình của nhà Nguyễn (1802 - 1945) đang bị chao đảo sắp mất vào tay giặc phương Tây lúc bấy giờ, thì số đông quần thần đều thủ cựu, cá biệt cũng có vài nhà tư tưởng cải cách như Bùi Viện (1844 - 1878), Phạm Phú Thứ (1820 - 1880), Nguyễn Lộ Trạch

---

1 Thời xưa, người Việt đã dùng chữ “hiến” để chỉ pháp luật, thí dụ trong bộ sử cổ nhất của Việt Nam còn tồn tại đến ngày nay (*Đại Việt sử ký toàn thư*, quyển số 7, tờ 12) có chép: “Quốc gia đã có hiến, nước Tàu và nước Nam khác nhau”. Chữ “hiến” trong câu này nghĩa là phép tắc, chế độ nói chung, chứ không phải là “hiến pháp” (constitution) theo nghĩa như ngày nay.

2 Nghiêm Xuân Hồng, *Lịch sử diễn tiến của phong trào quốc gia Việt Nam*, Quan điểm xuất bản, Sài Gòn, 1958, tr. 19, 23.

(1853 - 1895), Đặng Huy Trứ (1825 - 1874), Nguyễn Trường Tộ (1830 - 1871)... Nhưng “điều đáng buồn hơn cả là chính người vươn đến tầm cao hơn cả, phong phú hơn cả, vượt hẳn những người khác trong tư tưởng và trong các đề nghị canh tân về kinh tế, xã hội, văn hóa - là Nguyễn Trường Tộ - lại là người bảo hoàng hơn cả nhà vua” trong lĩnh vực chính trị<sup>(1)</sup>. “Và thế là, nếu như đỉnh cao nhất trong số những nhân vật canh tân cùng thời, thì ông cũng lại là người tiêu biểu nhất cho hiện tượng bị hệ tư tưởng cũ trói buộc, kéo níu, hạn chế tầm nhìn, tầm nghĩ trong khuôn khổ duy trì nguyên vẹn các thể chế chính trị đối nội đương thời”<sup>(2)</sup>.

Nói chung, có thể hiểu rằng, sống trong chế độ độc tài chuyên chế, thì mọi người dân, kể cả tầng lớp trí thức, dù có khi nhận thức được những tệ hại của chế độ chính trị đương thời, nhưng họ không dám nói tới; không tiện viết ra lời đề nghị lập hiến - những tư tưởng mà thực chất là nhằm vô hiệu hóa hoặc hạ thấp quyền của người lãnh đạo đứng đầu xã tắc là ông vua, lật đổ hoặc phân chia quyền lực nhà nước của triều đình, xúi dân nổi dậy đòi quyền, làm loạn...

Tình trạng đó được duy trì mãi cho tới khi Pháp đánh chiếm và đặt ách thống trị hoàn toàn trên đất nước Việt Nam.

## **II. NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX, CÁC PHONG TRÀO QUỐC GIA, DÂN TỘC ĐỀ RA CON ĐƯỜNG LẬP HIẾN ĐỂ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP**

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, công cuộc đấu tranh giành độc lập của các nhà ái quốc Việt Nam đã chuyển hướng mặc dù những cố gắng dùng vũ lực để kháng chiến vẫn tiếp diễn lẻ tẻ, như cuộc khởi nghĩa Yên Thế của Đề Thám (tới tháng 2-1913); vua Duy Tân cùng các nhà chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân mưu đồ khởi nghĩa ở Huế (1916). Nhưng nói chung, những vụ khởi nghĩa vũ trang thưa thớt dần để nhường chỗ cho những cuộc vận động chính trị, duy tân.

### **1. Tư tưởng lập hiến của tầng lớp sĩ phu yêu nước, tiến bộ**

Trong hàng ngũ các sĩ phu yêu nước, nổi bật có ba nhà nho tiêu biểu là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng cùng

---

1, 2 Lê Sỹ Thắng, *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, t. 2, tr. 302, 304.